TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 6 - 2026
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi dưỡng con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ;
2. Ông Lê Văn Thừa.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 554/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **L, S - H1**, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B lầu C hẻm B, đoạn 3, lộ T, khóm I, phường P, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan

- *Bị đơn*: Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 2007 (có mặt).

Địa chỉ: khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

- Ông L, Si H trình bày: Nguyên vào năm 2025, được người thân giới thiệu quen biết và tìm hiểu, ông và bà Đinh Thị T quyết định tiến tới hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn, số vào sổ đăng ký kết hôn số 182/2025 vào ngày 12/09/2025.

Sau khi kết hôn, ông trở về Đài Loan sinh sống, bà Đinh Thị T ở lại Việt Nam sinh sống. Ông làm thủ tục bảo lãnh bà Đinh Thị T sang Đài Loan sinh sống để xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng giữa ông và bà Đinh Thị T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bà Đinh Thị T có sang Đài Loan một tháng, nhưng sau đó muốn về Việt Nam, không muốn cùng ông chung sống tại Đài Loan.

Sau đó, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn. Do xa cách địa lý, bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán, cuộc hôn nhân không thể kéo dài sẽ không có hạnh phúc. Nay ông

yêu cầu ly hôn với bà Đinh Thị T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Đinh Thị T trình bày: Vào năm 2025 bà và ông L, S1-Han được người thân giới thiệu và mai mối nên tiến tới hôn nhân. Sau đó, bà có cùng chồng sang Đài Loan sinh sống được một tháng nhưng do không hiểu nhau, bất đồng ngôn ngữ nên sau đó bà về Việt Nam sinh sống đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông L, S1-H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông L, S1 - Han khởi kiện xin ly hôn với bà Đinh Thị T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 – Cần Thơ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông L, S1-H và bà Đinh Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét nguyên đơn trình bày, hôn nhân của ông bà là do mai mối thì đã có khoảng cách về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, vợ chồng chung sống với nhau chỉ trong thời gian ngắn nên không có tình cảm với nhau. Qua đó thể hiện, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông L, S1-Han yêu cầu xin ly hôn với bà T là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L, S1-H và bà Đinh Thị T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông L, S1-H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, S1-H.

Ông L, S1-H được ly hôn với bà Đinh Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ vụ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông L, S1-Han chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0011096 ngày 02/6/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án, đối với nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Thuận Hưng, Tp Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Tuấn Kiệt